

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGHĨA HÀNH
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17 /2020/ HNGĐ - ST

Ngày: 16 - 9 - 2020

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGHĨA HÀNH, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Chí Ngãi.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Tấn Hùng.

Ông Trần Văn Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Ngọc Anh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thương Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 45/2020/TLST-HNGĐ ngày 05/5/2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2020/QĐST- HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 11/2020/QĐST-HNGĐ ngày 28/8/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Huỳnh Thị Ngọc K, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Số 74 đường Q, phường E, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi. (Có mặt).

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Quốc V, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Thôn R, xã Y, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi. (Vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 27/4/2020 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Huỳnh Thị Ngọc K trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Huỳnh Thị Ngọc K tự nguyện kết hôn với anh Nguyễn Quốc V và có đăng ký kết hôn ngày 08/3/2013 tại UBND phường E, thành phố Quảng Ngãi. Quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi vã và chị bị anh V đánh đập nhiều lần. Nguyên nhân là do anh V ham mê cờ bạc, rượu chè, ghen tuông vô cớ; hai bên gia đình nhiều lần khuyên ngăn nhưng anh V không thay đổi, từ bỏ tính xấu; đến năm 2019 anh V bị mất việc, kinh tế gặp nhiều khó khăn nhưng anh V vẫn không quan tâm lo lắng cho gia đình.

Vì tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị K yêu cầu ly hôn anh Nguyễn Quốc V.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là các cháu Nguyễn Quốc Quyền V1, sinh ngày 11/4/2013 và cháu Nguyễn Ngọc Huyền T, sinh ngày 16/10/2014. Khi ly hôn chị K yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 cháu V1, T và yêu cầu anh V cấp dưỡng hàng tháng cho hai cháu V1, T mỗi tháng một cháu 1.500.000đ, tổng cộng hai cháu là 3.000.000đ/tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ khi anh V, chị K chính thức ly hôn cho đến khi hai cháu V1, T đủ 18 tuổi. Tuy nhiên, tại bản tự khai ngày 02/7/2020 chị K thay đổi yêu cầu không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Quốc V không có văn bản trình bày.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập và Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho anh Nguyễn Quốc V nhưng anh V không bản trình bày, bản tự khai, anh V vắng mặt không có lý do, không có văn bản, ý kiến phản hồi và cũng không đến Tòa án để làm việc, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định về thẩm quyền thụ lý; về xác định tư cách tham gia tố tụng; xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ; trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý; về thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của

pháp luật; bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Chị K và anh V kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Sau thời gian sống hạnh phúc thì phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân là do anh V ham mê cờ bạc, thích uống rượu bia, ghen tuông vô cớ; đến năm 2019 anh V bị mất việc, kinh tế gia đình gặp nhiều khó khăn nhưng anh V vẫn không quan tâm lo lắng cho gia đình làm cho mâu thuẫn trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc chị K yêu cầu được ly hôn anh V là có căn cứ. Áp dụng Điều 21; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84, 110 Luật Hôn nhân và gia đình. Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị Ngọc K.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Huỳnh Thị Ngọc K được ly hôn với anh Nguyễn Quốc V.

Về con chung: Giao cho chị K trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Quốc Quyền V1, sinh ngày 11/4/2013 và cháu Nguyễn Ngọc Huyền T, sinh ngày 16/10/2014. Anh Nguyễn Quốc V chưa phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Về án phí: Chị Huỳnh Thị Ngọc K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Ngày 05/5/2020, Tòa án thụ lý đơn khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu của nguyên đơn chị Huỳnh Thị Ngọc K đối với bị đơn anh Nguyễn Quốc V là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*”. Việc thụ lý và giải quyết đơn khởi kiện của Tòa án là đúng thẩm quyền được quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã triệu tập đối với bị đơn hợp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do. Tòa án tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Huỳnh Thị Ngọc K kết hôn với anh Nguyễn Quốc V và có đăng ký kết hôn ngày 08/3/2013 tại UBND phường E, thành phố Quảng Ngãi trên cơ sở tự nguyện, là hôn nhân hợp pháp.

Thời gian đầu chị K và anh V sống hạnh phúc, nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh V ham mê cờ bạc, thích uống rượu bia, ghen tuông vô cớ; hai bên gia đình nhiều lần khuyên ngăn nhưng anh V không thay đổi, từ bỏ tính xấu; đến năm 2019 anh V bị mất việc, kinh tế gia đình gặp nhiều khó khăn nhưng anh V vẫn không quan tâm lo lắng cho gia đình. Hiện nay anh V đang sinh sống cùng nhà cha mẹ đẻ tại xã Y, huyện N hai người không còn quan tâm đến nhau nữa. Theo quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình thì: *"1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. 2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác"*. Căn cứ vào quy định của pháp luật và thực tế, thấy rằng anh V đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nếu tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân giữa chị K và anh V cũng chỉ là sự ràng buộc về mặt pháp lý sẽ không mang lại hạnh phúc đích thực cho họ nên yêu cầu ly hôn của chị K là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3]. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Quốc Quyền V1, sinh ngày 11/4/2013 và cháu Nguyễn Ngọc Huyền T, sinh ngày 16/10/2014 hiện hai cháu đang ở cùng với chị K; cháu V1 đã trên 07 tuổi, nguyện vọng của cháu mong muốn được ở với chị K. Để bảo đảm sự ổn định về chỗ ở, học tập và bảo đảm quyền lợi về mọi mặt của con nên giao cả 02 con chung cho chị K trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4]. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị K không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về tài sản chung, tài sản riêng và nghĩa vụ trả nợ: Nguyên đơn chị Huỳnh Thị Ngọc K không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện N về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6]. Về án phí: Chị Huỳnh Thị Ngọc K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng phần yêu cầu ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp, là phù hợp Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Huỳnh Thị Ngọc K được ly hôn với anh Nguyễn Quốc V.

2. Về con chung: Giao cho chị K trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Quốc Quyền V1, sinh ngày 11/4/2013 và cháu Nguyễn Ngọc Huyền T, sinh ngày 16/10/2014. Anh Nguyễn Quốc V chưa phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con; việc cấp dưỡng có thể thay đổi.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Huỳnh Thị Ngọc K phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2016/0004556 ngày 04/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận bản án hoặc ngày niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân nơi cư trú.

Nơi nhận:

- VKSND huyện N;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- THADS huyện N;
- UBND phường E, tp Quảng Ngãi;
- UBND xã Y, huyện N;
- Lưu Hồ sơ + Án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

-

Võ Chí Ngãi